

Hưng Yên, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Anh Đào Quang T, sinh năm 1990;

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Quang T và chị Phạm Thị N khẳng định được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S (Nay là UBND xã H ngày 19/01/2017. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm về lối sống, không tìm được tiếng nói chung, giữa hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị N cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2] Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là cháu Đào Yến N1, SN 25/10/2009 và cháu Đào Trâm A, SN 31/10/2017. Khi ly hôn, anh chị thống nhất để chị N nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị N thỏa thuận thống nhất để anh T chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Quang T và chị Phạm Thị N .

- **Về con chung:** Giao cả hai cháu Đào Yến N1, SN 25/10/2009 và cháu Đào Trâm A, SN 31/10/2017 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn anh T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở

- **Về các vấn đề khác:** Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002018 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- VKSND KV3-HY;
- UBND xã Hiệp Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường